

Bản án số: 122/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 11/01/2018

V/v: “Ly hôn, chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chót
2. Ông Nguyễn Văn Sơn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 252/2015/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2015 về việc: “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3089/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Võ Thị H, sinh năm 1963

Nơi cư trú: ấp GH, xã AĐ, huyện TP, tỉnh Bến Tre

**** Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1960

Nơi cư trú: ấp GH, xã AĐ, huyện TP, tỉnh Bến Tre

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Trọng A, sinh năm 1988

Nơi cư trú: ấp GH, xã AĐ, huyện TP, tỉnh Bến Tre

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: 368/1 ấp TTH, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963 (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 4, xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1946 (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp AK, xã AT, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

5. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1953 (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TTH, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Bến Tre

6. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955 (chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà C: anh Trần Thiện T, sinh năm 1994; anh Trần Thiện Đ, sinh năm 1988; Cùng cư trú: 44/7 ấp AKA, xã MH, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị G, anh Trần Thiện T, anh Trần Thiện Đ ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:*

Vào năm 1983 bà và ông Nguyễn Văn L được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, đến ngày 31/12/2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AD, huyện TP, tỉnh Bến Tre; Hôn nhân của bà và ông L là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông L thường xuyên đánh đập, bà có báo chính quyền địa phương giải quyết nhưng ông L không thay đổi, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2014 nên tình cảm không còn.

- Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Nguyễn Trọng A, sinh ngày 15/02/1988 hiện đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: bà và ông L có một căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 522,4 m², thuộc thửa số 58, tờ bản đồ số 31 do hộ ông Nguyễn Văn L đứng tên quyền sử dụng đất; bà yêu cầu chia đôi 1/2 ngôi nhà, đất qua đo đạc thực tế thuộc thửa 58C diện tích 254,5 m² tọa lạc tại ấp GH, xã AD, huyện TP, tỉnh Bến Tre; Ngày 30/11/2017 và tại phiên tòa bà rút khởi kiện phần yêu cầu chia tài sản chung với ông Nguyễn Văn L.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng bà không yêu cầu giải quyết.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá tài sản tranh chấp bà tự nguyện chịu.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Về điều kiện thành hôn, đăng ký kết hôn, con chung như bà Võ Thị H trình bày là đúng; về mâu thuẫn giữa ông và bà H, ông thừa nhận trước đây có đánh bà H, ông và bà H không còn chung sống từ năm 2014 đến nay; tình cảm vợ chồng giữa ông và bà H không thể hàn gắn.

- Về hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà Võ Thị H.

- Về con chung: ông và bà H có 02 người con chung Nguyễn Trọng A, sinh ngày 15/02/1988, Nguyễn Trọng E đã chết do bị tai nạn giao thông; Nguyễn Trọng A hiện đã thành niên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Một căn nhà gắn liền gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 522,4 m², thuộc thửa số 58, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp GH, xã АД, huyện TP, tỉnh Bến Tre do ông đứng tên hộ gia đình; ông và bà Võ Thị H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: ông và bà H có mượn tiền và vàng của cha mẹ ruột, anh chị em ruột của ông để mua đất, cất nhà và làm đám tang cho con; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã rút toàn bộ yêu cầu độc lập các phần nợ chung, ông không yêu cầu giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng ông không yêu cầu giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng A quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:*

Giữa cha mẹ anh là ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị H có mâu thuẫn nhau, mẹ anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với cha anh, anh không có ý kiến.

Về tài sản chung của gia đình có một căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn L, anh cũng có quyền lợi trên phần đất này nhưng không yêu cầu giải quyết; Anh không có trình bày hay yêu cầu gì khác.

** Theo đơn yêu cầu độc lập, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Vào tháng 02/2006 bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị H mượn 20.000.000 đồng để trả tiền Ngân hàng và 30.000.000 đồng để làm đám tang cho con. Đến năm 2007 bà tiếp tục cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị H mượn 50 chỉ vàng 24K để cất nhà, khi cho mượn tiền, vàng có mặt vợ chồng ông L, bà H; ông L là người ký tên vào giấy nhận nợ. Nay vợ chồng bà H, ông L yêu cầu ly hôn bà yêu cầu bà H, ông L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 50 chỉ vàng 24K và 50.000.000 đồng.

Ngày 29/12/2017 bà Nguyễn Thị X có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn L; đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Theo đơn yêu cầu độc lập, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Vào năm 2001 bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị H mượn 10.000.000 đồng để đặt cọc mua đất, số tiền 10.000.000 đồng tương đương với 02 cây vàng 24K, khi mượn tiền có mặt vợ chồng ông L, bà H; ông L có viết biên nhận mượn tiền cho bà. Nay vợ chồng bà H, ông L ly hôn bà yêu cầu bà H, ông L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 29/12/2017 bà Nguyễn Thị L có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn L; đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L đồng thời là đại diện theo ủy quyền những người thừa kế của cụ Nguyễn Văn R (chết 2008) và cụ Đoàn Thị K (chết 2009) trình bày:*

Nguyên vào năm 2001 cha, mẹ của ông Nguyễn Văn L là ông Nguyễn Văn R, bà Đoàn Thị K có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị H mượn 10 lượng vàng 24K (100 chỉ vàng 24K) để mua đất; Nay vợ chồng ông L, bà H ly hôn bà đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế của ông R, bà K yêu cầu ông L, bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho cha mẹ số vàng 100 chỉ vàng 24K mà trước đây đã mượn, bà được các anh chị em thống nhất đứng ra nhận số vàng ông L, bà H có nghĩa vụ trả.

Ngày 29/12/2017 những người thừa kế của cụ Nguyễn Văn R và cụ Đoàn Thị K có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn L; đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đình chỉ phần yêu cầu chia tài sản chung của bà Võ Thị H; đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị L và yêu cầu độc lập của những người thừa kế của cụ Nguyễn Văn R và cụ Đoàn Thị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H thì vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”; Bị đơn ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại ấp GH, xã AD, huyện TP, tỉnh Bến Tre; Do đó, Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Tại phiên tòa bà Võ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Văn L; cho rằng vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay, tình cảm không thể hàn gắn. Tại phiên ông Nguyễn Văn L đồng ý ly hôn với bà Võ Thị H.

Hội đồng xét xử nhận định: Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Văn L kết hôn với nhau vào năm 1983, đến ngày 31/12/2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AĐ, huyện TP, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân giữa bà H và ông L được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ; quá trình chung sống giữa bà H và ông L xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được bà H yêu cầu ly hôn được ông L đồng ý; Do đó, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị H với ông Nguyễn Văn L là phù hợp.

- Về con chung: Nguyễn Trọng A, sinh ngày 15/02/1988 hiện đã thành niên, không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng bà Võ Thị H yêu cầu ông Nguyễn Văn L chia đôi 1/2 ngôi nhà và đất qua đo đạc thực tế thuộc thửa 58C diện tích 254,5 m² tọa lạc tại ấp GH, xã AĐ, huyện TP, tỉnh Bến Tre đến ngày 30/11/2017 bà H có đơn xin rút yêu cầu này; Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần khởi kiện của bà Võ Thị H; bà Võ Thị H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại phần tài sản chung bằng một vụ kiện khác theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bà H không phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

- Về nợ chung: Ngày 29/12/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập về việc yêu cầu bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 50 chỉ vàng 24K và 50.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L rút toàn bộ yêu cầu bà H, ông L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng. Xét việc rút toàn bộ yêu cầu độc lập của bà X, bà Lan là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị L; bà X, bà Lan có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần nợ chung của bà H, ông L bằng một vụ kiện khác theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Ngày 29/12/2017 những người thừa kế của cụ Nguyễn Văn R và cụ Đoàn Thị K có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập về việc yêu cầu bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả 100 chỉ vàng 24K. Xét việc rút toàn bộ yêu cầu độc lập của những người thừa kế của cụ R và cụ K là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của những người thừa kế của cụ R và cụ K; Những người thừa kế của cụ R và cụ K có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần nợ chung của bà

H, ông L bằng một vụ kiện khác theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người thừa kế của cụ R và cụ K không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: bà Võ Thị H và ông Nguyễn Văn L không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về chi phí đo đạc, định giá nguyên đơn bà Võ Thị H tự nguyện chịu đã được quyết toán xong nên không đề cập.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên không đề cập xem xét.

Bà Võ Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 157, 165, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị H, sinh năm 1963 với ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1960 cùng cư trú tại ấp GH, xã АД, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

- Về con chung: Nguyễn Trọng A, sinh ngày 15/02/1988 hiện đã thành niên nên không đề cập xem xét.

- Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H về chia tài sản chung là 1/2 ngôi nhà, đất qua đo đạc thực tế thuộc thửa 58C diện tích 254,5 m² tọa lạc tại ấp GH, xã АД, huyện TP, tỉnh Bến Tre. Chi phí đo đạc, định giá bà Võ Thị H tự nguyện chịu đã được quyết toán xong nên không đề cập.

2. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 50 chỉ vàng 24K và 50.000.000 đồng; bà Xặc có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần nợ chung của bà H, ông L bằng một vụ kiện khác theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); bà Lan có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần nợ chung của bà H, ông L bằng một vụ kiện khác theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của những người thừa kế của cụ Nguyễn Văn R và cụ Đoàn Thị K về việc yêu cầu bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả 100 (một trăm) chỉ vàng 24K; những người thừa kế của cụ Nguyễn Văn R và

cụ Đoàn Thị K có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần nợ chung của bà H, ông L bằng một vụ kiện khác theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Võ Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021782 ngày 07/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) cho bà Võ Thị H theo biên lai thu số 0021783 ngày 07/5/2015.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 4.875.000 đồng (bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) cho bà Nguyễn Thị X theo biên lai thu số 0021996 ngày 13/8/2015 do bà Nguyễn Thị L nộp thay.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 250.000 đồng (hai trăm năm mươi ngàn đồng) cho bà Nguyễn Thị L theo biên lai thu số 0021997 ngày 13/8/2015.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) cho bà Nguyễn Thị Ghé, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Cung, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị X theo biên lai thu số 0021998 ngày 13/8/2015 do bà Nguyễn Thị L làm đại diện nộp thay.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THA DS huyện TP;
- VKSND huyện TP;
- UBND xã АД.
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương